

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic học đại cương

ĐỀ TÀI:

**Chứng minh và các lỗi logic vi phạm các quy tắc chứng minh thông qua
các tình huống thực tế**

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Xuân Trường

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060009

Hà nội, ngày 7 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:	3
PHẦN NỘI DUNG	4
1. Khái niệm và đặc điểm chung của chứng minh:	4
2. Cấu tạo và kết cấu của các kiểu chứng minh:	6
2.1. Cấu tạo của chứng minh.....	6
2.2 Mối liên kết giữa các cấu tạo của chứng minh	8
2.3. Các kiểu chứng minh:.....	8
3. Các quy tắc chứng minh:.....	10
3.1. Quy tắc đối với luận đề:.....	10
3.2. Quy tắc đối với luận cứ:.....	11

3.3 Quy tắc đối với luận chứng:	12
KẾT LUẬN	17
TÀI LIỆU THAM KHẢO	18

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nhắc đến bản chất của thế giới hiện thực không thể không nhắc đến quá trình thay đổi và phát triển của vạn vật xung quanh ta từ những thứ vô chi vô giác đến những loài vật, những chủng loại mới đòi hỏi con người phải khám phá tìm hiểu. Nhận thức được việc đó con người đã thể hiện thông qua việc tích lũy tri thức song vận dụng vào để giải quyết những vấn đề trong quá trình sinh sống và phát triển. Nhà triết học, khoa học, giáo dục vĩ đại của Hy Lạp cổ đại Aristoteles có câu: “Giá trị cuối cùng của cuộc sống nằm ở khả năng thức tỉnh và suy nghĩ, chứ không chỉ nằm ở sinh tồn”.

Nhưng trong quá trình tìm hiểu và lý giải đó không phải tất cả những nhận thức được hình thành dù bằng con đường cảm tính hay lập luận đều được coi là đúng đắn và chính xác. Điều đó còn đòi hỏi phải xác định xem các tri thức ấy có phải chân lí hay không, việc tư duy và suy luận qua quá trình tìm hiểu thôi là chưa đủ. Có những bản chất, sự vật rất phức tạp đòi hỏi phải sự liên kết, lập luận phải sắc bén, chính xác nhưng để làm được điều đó phải có phương pháp chứng minh.

Việc mong muốn tìm hiểu cũng như nắm chắc được vấn đề, bản chất, vai trò của chứng minh trong từng bản chất. cho nên em đã chọn chủ đề : *“Chứng minh và các lỗi logic vi phạm quy tắc chứng minh thông qua tình huống thực tế”*. Từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như hiểu rõ vấn đề nhằm tuyên truyền, giải thích, lý giải, kết luận một cách chặt chẽ một cách có nền tảng từ đó phổ biến, thuyết giúp nhiều người đang còn hiểu sai, tránh xảy ra hiện tượng “ gió chiều nào theo chiều đó” giống như xã hội hiện nay nhiều người cứ thấy đông đảo mọi người đứng về chiều

nào là theo chiều đó không hiểu rõ bản chất vấn đề hoặc hiểu nhưng không chứng minh được điều đó có đúng hay không.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

Mọi vấn đề đều phải được chứng minh một cách xác đáng, có căn cứ rõ ràng về vấn đề đó như trong dân gian có câu “nói có sách, mách có chứng” thì những vấn đề đó mới được thừa nhận.

Để làm rõ mục đích của việc nghiên cứu ta cần phải hiểu từ những thứ như khái niệm, cấu tạo và đặc điểm chung của chứng minh rồi tiến đến từng mục một cách sâu rộng hơn từ đó đưa ra một bản các quy tắc, lỗi logic hay mắc phải từ đó đưa ra kết luận cho một cách chính xác nhất

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Bài tiểu luận này tập chung nghiên cứu đến việc chứng minh giúp giải quyết bản chất tránh sai lầm và lỗi logic trong việc chứng minh mà con người mắc phải trong thực tiễn do cuộc sống đặt ra.

Phạm vi nghiên cứu: Việc nghiên cứu một bản chất về vấn đề khoa học đòi hỏi rất nhiều thời gian do đó trong quá trình nghiên cứu nội dung của đề tài chỉ khái quát một phần của chứng minh, thời gian nghiên cứu tập trung vào giai đoạn phát triển của Việt Nam hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

Cơ sở lý luận: Từ những quan điểm của logic hình thức và quy luận của tư duy

Phương pháp nghiên cứu: Thống nhất logic và lịch sử, phân tích tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa, phương pháp hình thức hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:

Ý nghĩa lý luận: Tại sao phải cần chứng minh, giải quyết và lý giải tầm quan trọng của nó

Ý nghĩa thực tiễn: Giúp chúng ta hiểu rõ được bản chất của sự vật, tránh hiểu một cách mơ hồ, không có căn cứ thuyết phục, bên cạnh đó còn giúp ta nhận biết được những lỗi logic trong quá trình sinh hoạt hàng ngày từ cách giao tiếp giữa người với người hay giải quyết một vụ án nhất là đối ngành Luật tránh xảy ra sai lầm như trong xét xử nói chung và “vụ án của ông Nguyễn Thanh Chấn” nói riêng.

PHẦN NỘI DUNG

PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Khái niệm và đặc điểm chung của chứng minh:

- Khái niệm: Chứng minh là thao tác logic xác định tính chân thực của một luận điểm nào đó nhờ sử dụng các luận điểm chân thực khác có quan hệ hữu cơ với luận điểm ấy.

Ví dụ: “Ánh sáng mặt trời rất quan trọng đối với cây cối vì ánh sáng mặt trời giúp cây trao đổi chất mà trao đổi chất giúp cây sinh sống, phát triển”.

1.1 Đặc điểm chung:

- Chứng minh được coi là điều kiện tất yếu để xác định tính chân thực của bất cứ một suy luận khoa học nào, bởi nhắc tới khoa học là nhắc tới sự giải đáp, là những tri thức về suy luận, kết luận và giả thiết, do đó chứng minh là thao tác cơ bản của tư duy chính xác, là điều kiện quan trọng của nhận thức khoa học.

- Quá trình rút ra và xác định giá trị một tri thức mới từ một số tri thức đứng đắn đã được thực tiễn kiểm nghiệm, xét cho cùng chứng minh còn được coi là kiểm tra nguyên lý lý luận bởi nếu không có sự kiểm tra đó thì không thể kết luận, không thể xác minh tính chính xác từ đó đưa kiến thức đó vào trong thực tiễn cuộc sống được. Vì điều đó sẽ không được chấp nhận, bị phản đối và khó thuyết phục mọi người nghe theo.

- Trong trường hợp luận điểm cần chứng minh đã được nêu ra trước thì quá trình chứng minh sẽ theo đuổi theo 2 mục đích:

+) Thuyết phục người khác về tính chân thực của luận điểm đã được các nhà khoa học cụ thể xác nhận

Ví dụ: “ Trái đất quay quanh mặt trời”

Trong ví dụ trên trái đất được các nhà khoa học nghiên cứu, chứng minh dựa vào các quy luật đúng đắn khác đã đưa ra kết luận do trái đất quay quanh mặt trời nên nó sáng và tối...

+) Kiểm tra các luận điểm, các giả định đó mà khoa học chưa làm sáng tỏ chính chân thực của nó.

Ví dụ: “ Sinh viên Học viên Ngân hàng học rất giỏi”

Trong ví dụ này các luận điểm chưa được khoa học làm sáng tỏ do đó chúng ta cần phải kiểm tra tính chân thực dựa vào các yếu tố như: điểm qua các kì thi, sự cần cù chăm chỉ...

Từ những luận điểm, giả định đưa nêu ra trước đã được chứng minh quá trình lựa chọn các luận điểm đã được khẳng định là chân thực để làm tiền đề xác định giá trị của các luận điểm, giả thuyết ấy.

- Trường hợp mà luận điểm cần chứng minh chưa được nêu ra trước thì quá trình chứng minh được thực hiện bằng cách: Dựa vào các suy luận để rút ra các luận điểm mới mà trước đây chưa có, luận điểm này sẽ được coi là hệ quả của các luận điểm chân thực đã được sử dụng trong quá trình lập luận.

Chứng minh có một vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình học tập và nghiên cứu, nó là điều kiện không thể thiếu của một phong cách khoa học từ tư duy, suy luận để làm sáng tỏ tính đúng đắn của một sự vật nào đó. Như việc mình đã có kiến thức, mình đã nắm rõ được vấn đề khi truyền đạt lại cho ai đó về mặt từ ngữ sẽ dễ dàng hơn giúp người đọc, người nghe sẽ dễ dàng tiếp cận, nắm bắt vấn đề một cách tốt nhất, chứ không phải nghe một đằng làm một nẻo.

2. Cấu tạo và kết cấu của các kiểu chứng minh:

2.1. Cấu tạo của chứng minh.

Cấu tạo của chứng minh bao gồm ba bộ phận liên kết hợp thành: Luận đề, luận cứ và luận chứng



2.1.1. Luận đề:

Luận đề của chứng minh là luận điểm mà tính chân thực của nó cần phải được làm sáng tỏ.

Luận đề có vai trò quan trọng chủ yếu của chứng minh, nó đặt ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể cho chứng minh, nó giúp ta cần phải chứng minh các gì từ một khái quát thực tiễn hay từ quan sát, thí nghiệm.

Nếu như ta còn phân vân giữa việc chưa biết đi từ đâu để chứng minh thì luận đề chính là câu trả lời cho việc “ Chứng minh cái gì?”. Luận đề có thể tìm lại dưới dạng một phán đoán đơn hay một hệ thống các quan điểm lí luận.

Ngược lại, đối với luận đề có phản luận đề của chứng minh nếu luận đề của chứng minh cần xác định có giá trị thực thì phản luận đề có giá trị giả dối.

Trong ví dụ trên, luận đề : “Ánh sáng mặt trời rất quan trọng đối với cây cối”

2.1.2. Luận cứ:

Luận cứ của chứng minh là các luận điểm khoa học, các căn cứ, sự kiện thực tế chân thực, có liên quan đến luận đề và được sử dụng để chứng minh tính chân thực của luận đề.

Luận cứ còn là căn cứ khách quan, logic để xác định giá trị, chứng minh cho luận đề, luận cứ còn có thể là các luận điểm phản ánh tính đúng đắn về các sự kiện, tiên đề, quy tắc, định nghĩa... Nó trả lời cho câu hỏi “ Chứng minh dựa vào những căn cứ, cơ sở nào?”.

Trong ví dụ trên, luận cứ: “ Ánh sáng mặt trời giúp cây trao đổi chất” và “ trao đổi chất giúp cây sinh sống, phát triển”.

Để làm được nhiệm vụ đó đòi hỏi các luận cứ phải có tính chân thực và được khoa học xác định giá trị chân lí.

2.1.3. Luận chứng:

Luận chứng của chứng minh là những cách thức, những phương pháp cùng các quy luật, quy tắc được sử dụng trong quá trình liên kết các luận cứ lại với nhau để rút ra được tính chân thực của luận đề.

Luận chứng là cách thức chứng minh, nhằm vạch ra tính đúng đắn của luận đề dựa vào những luận cứ đúng đắn, chân thực. Luận chứng trả lời cho câu hỏi: “Chứng minh như thế nào?”.

Để chứng minh một vấn đề nào đó thì cần tuân thủ theo các quy tắc, quy luật logic tránh trường hợp xác lập các mối liên kết này lộn xộn không có trật tự.

Cụ thể là ví dụ ở trên, luận chứng được tuân theo nguyên tắc của tam đoạn luận:

- Trao đổi chất giúp cây sinh sống, phát triển (Tiêu đề lớn)

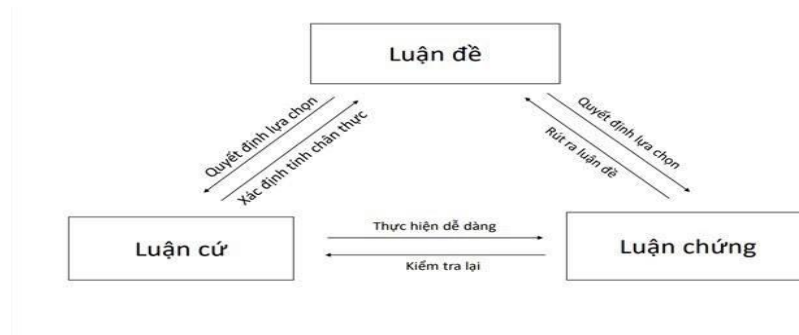
- Ánh sáng mặt trời giúp cây trao đổi chất (Tiểu đề nhỏ)
- Ánh sáng mặt trời rất quan trọng đối với cây cối (Kết luận)

2.2 Mối liên kết giữa các cấu tạo của chứng minh

Luận đề, luận cứ và luận chứng là ba bộ phận hợp thành của chứng minh.

Mỗi bộ phận đều có một chức năng và nhiệm vụ khác nhau không thể thay thế cho nhau nhưng cũng đồng thời giữa chúng nó một mối liên hệ, liên kết vô cùng chặt chẽ với nhau, mỗi bộ giúp bổ trợ nhau để giúp cho chứng minh một cách rõ ràng, khoa học và hợp lí nhất.

Luận đề đóng vai trò trung tâm từ đó luận cứ và luận chứng dựa vào đó để lập luận, hiểu rõ được nhiệm vụ của mình cần tìm, suy luận xác minh đúng vấn đề, bản chất. Qua đó, chúng tác động ngược lại luận đề chúng giúp xác định tính chân lí của luận đề, nâng cao độ tin cậy vào luận đề, chúng có nhiệm vụ kiểm tra xem xét tính đầy đủ của lẫn nhau .



Sơ đồ: Mối quan hệ giữa luận đề, luận cứ, luận chứng

2.3. Các kiểu chứng minh:

2.3.1. Chứng minh và bác bỏ:

Do tùy vào mục đích riêng mà mỗi người sẽ có các vận dụng, suy nghĩ riêng do đó đi từ bản chất của chứng minh thì có thể thấy luận chứng cho tính chân thực của luận

đề hoặc tính giả dối vì vậy ta chia ra làm hai kiểu chứng minh: Chứng minh theo nghĩa riêng của từ và bác bỏ.

+) Chứng minh theo nghĩa riêng của từ là luận chứng cho tính chân thực của luận đề.

+) Bác bỏ thao tác logic dựa vào các luận cứ chân thực và các quy tắc, quy luật logic để vạch ra tính chất giả dối của một luận đề nào đó. Bác bỏ là một kiểu chứng minh, nhưng không phải chứng minh cho tính đúng đắn, chân thực của luận đề mà vạch trần tính giả dối, sai lầm của luận đề.

Bác bỏ có các dạng khác nhau: bác bỏ luận đề, phê phán luận cứ, chỉ ra sự thiếu mối liên kết giữa luận cứ và luận đề.. Đôi khi bác bỏ mang tính toàn diện nó bao hàm tất cả các bộ phận của phép chứng minh.

Ví dụ bác bỏ luận đề : “ Mọi loài vật có lông vũ đều biết bay”

Con gà có lông vũ

Vậy con gà biết bay

Theo ta thấy phản luận này đúng chứng tỏ luận đề ở trên giả dối.

2.3.2. Chứng minh trực tiếp và gián tiếp:

- Chứng minh trực tiếp là loại chứng minh trong đó sử dụng các luận cứ để trực tiếp rút ra tính chân thực của luận đề.

Ví dụ: “Cá chép sống ở dưới nước ngọt” ta có thể sử dụng các luận cứ chân thực là “Mọi loài cá có mang đều sống ở dưới nước” và “ Cá chép có mang, cá chép sống ở nước ngọt”

Bằng các luận chứng suy diễn ở dưới dạng tam đoạn luận, ta suy ra được tính chân thực của luận đề.

- Chứng minh gián tiếp là loại chứng minh trong đó tính chân thực của luận đề được rút ra trên cơ sở luận chứng tính giả dối của phản luận đề hoặc loại trừ các khả năng khác.

+) Chứng minh phản chứng là loại chứng minh gián tiếp trong đó luận chứng tính giả dối của phản luận đề để rút ra tính chân thực của luận đề.

3. Các quy tắc chứng minh:

3.1. Quy tắc đối với luận đề:

a) Luận đề chứng minh cần phải chân thực:

Trong chứng minh các tính chân thực của luận đề không phải được sinh ra mà chỉ được xác lập, vạch ra, được tìm kiếm điều đó có thể giúp cho việc luận chứng tính chân thực cho luận đề hay giải dối bởi không thể nói một cái đã có sẵn rồi đề chứng minh cho chính nó, mà ta cần tìm ra cái khác để chứng minh cho cái luận đề đó. Không thể nói “có thành không” nói “không thành có” nhất là trong các vụ án nếu ép cung, buộc tội vô cớ một người sẽ dẫn tới hệ lụy, hậu quả vô cùng nghiêm trọng như vụ án nêu trên của “ ông Nguyễn Thanh Chấn”.

Hay đơn giản việc “ Chúa tạo ra con người” nhưng sự tồn tại của chúa có thật hay không vẫn chưa được chứng minh. Quy tắc chân thực của luận đề là hệ quả tất yếu từ bản chất của chân như như là sự tương thích của tự tướng với hiện thực.

b) Luận đề phải được phát biểu chặt chẽ, chính xác, rõ ràng:

Chỉ có thể chứng minh một luận đề là đúng hay sai khi nó được phát biểu một cách tường minh ngay cả về chủ từ, vị từ, lượng. Bởi vì trong khoa học và tranh luận luôn có sự đối lập giữa chứng minh và bác bỏ.

c) Giữ nguyên luận đề trong suốt quá trình chứng minh:

Là sự kế tiếp của logic, quy tắc này hoàn toàn không có nghĩa là không cần phải chứng minh thêm bất cứ luận điểm phụ nào nữa. Phải giữ nguyên nhất quán không thể thay đổi được ngoại trừ các trường hợp cần thiết

Ví dụ : “Nước biển có vị mặn”

3.2. Quy tắc đối với luận cứ:

a) Luận cứ cần phải chân thực:

Việc liên kết chắc chẽ với quy tắc thứ nhất của luận đề đòi hỏi quy tắc này phải chân thực, là điều kiện cần để nhận được kết luận chân thực.

Việc đó còn liên quan đến không thể chứng minh một sự vật, hiện tượng nào đó bởi ta không thể dựa vào luận điểm của chúng mà giá trị logic của chúng chưa được chứng minh chân thực hoặc giả dối nó sẽ dẫn đến việc “nói dối”, thiếu căn cứ.

b) Tính chân thực của các luận cứ phải có cơ sở độc lập với luận đề:

Chúng phải có các cơ sở riêng chân thực, nếu khác đi chúng sẽ không thực hiện được chức năng logic của mình và không thể trở thành cơ sở của luận đề, điều đó sẽ mất đi tính chân thực của chúng.

Ví dụ: “ Kim loại là những chất có tính dẫn điện”

Muốn khẳng định là chất dẫn điện thôi là chưa đủ muốn khẳng định những chất là kim loại cần phải đủ các yếu tố như là chất rắn “trừ Hg”, có ánh kim và có tính dẻo tốt như vậy mới chính xác.

c) Các luận cứ không được mâu thuẫn với nhau:

Việc các luận cứ mâu thuẫn dẫn đến việc xảy ra rất nhiều hệ quả, suy luận không được logic, khách quan, thiếu chính xác, việc lập luận một sự việc sẽ không còn

được khả thi nữa. Nó dẫn đến việc vi phạm nguyên tắc (a) của quy tắc đối với luận cứ.

d) Mỗi luận cứ là cần, còn tất cả chúng cùng nhau thì phải là đủ để luận chứng cho luận đề.

Có thể hiểu mỗi luận cứ sẽ góp một phần vào luận chứng, mỗi phép luận cứ được dùng cho phép chứng minh phải đủ để đưa ra được kết luận chính xác về tính chân thực hay giả dối. Trong cuộc sống thực cũng vậy việc mình đưa ra các lý do nguyên nhân phải góp phần vào giải quyết vấn đề, mỗi luận cứ sẽ được thể hiện ra, tránh trường hợp thiếu, hoặc thừa luận cứ vì khi đó sẽ rất khó để giúp luận đề đưa ra được kết luận

Ví dụ: Trong một vụ án xét xử, việc đưa ra thừa bằng chứng thiếu, hoặc những bằng chứng không liên quan sẽ dẫn đến việc xét xử không được khách quan, công bằng, làm cho các vấn đề mâu thuẫn lẫn nhau, tạo ra cơ hội giúp kẻ xấu giả tạo chứng cứ, làm sai lệch thông tin ban đầu.

3.3 Quy tắc đối với luận chứng:

Do bản chất của luận chứng được gắn liền với mối liên kết giữa luận đề và luận cứ cho nên các quy tắc, quy luật chứng minh đối với luận chứng phải được thực hiện bằng cách suy luận – diễn dịch, quy nạp và loại suy. Nếu vi phạm quy tắc sẽ dẫn đến việc kết luận không được logic, việc rút ra kết luận từ luận đề sẽ không thể chính xác hoặc giả dối.

PHẦN 2: CÁC LỖI LOGIC TRONG CHỨNG MINH THÔNG QUA CÁC TÌNH HUỐNG THỰC TẾ

Việc mắc các lỗi logic là việc không thể thiếu trong cuộc sống nhất là trong việc chứng minh. Vì chứng minh là hình thức tư duy phức tạp nhất so với các hình thức khác. Điều đó đòi hỏi cần phải nắm chắc và hiểu rõ về các luận hay xảy ra trong mối liên kết giữa luận đề, luận cứ, và luận chứng. Từ đó, trong thực tế ta sẽ không mắc phải các bẫy logic đồng thời sẽ rút ra được kết luận chính xác hoặc biết được giá trị giả dối trong việc kết luận.

1. Liên hệ thực tiễn:

1.1. Các lỗi ở luận đề:

Việc này thường xảy ra nhất là việc “đánh tráo luận đề”. Lỗi logic này gắn liền với việc vi phạm quy tắc xác định và đồng nhất của luận đề thay vì chứng minh một luận đề này thì người chứng minh lại chứng minh một điều khác gắn với luận đề. Các vấn đề chứng minh ở đây không được xác định cụ thể mà chỉ được hiểu theo ý của mình.

Ví dụ trong một bài văn:

“Đề tài: Hãy viết một đoạn văn tả về một con vật mà em yêu thích nhất

Có rất nhiều con vật mà em yêu thích. Nhưng em thích nhất là con chó. Không những em thích mà bố em cũng thích. Cứ dịp cuối tuần hoặc cuối tháng, bố em bảo mẹ em chiều nay làm tí chó đi, vì mẹ em không có tiền nên mẹ em chỉ mua một một thể là mẹ em cho vào luộc hoặc nấu rượu mặn. Vậy là tối hôm đó, em và bố em rất thích.”

Trong bài văn này người viết (em học sinh) đã mắc phải lỗi logic trong việc chứng minh. Thay vì chứng minh việc thích con chó: vì nó ngoan, nó có bộ lông đẹp, nghe lời... Thì lại đi chứng minh điều khác có vẻ gần với luận đề, “do được ăn thịt chó

nên em thích nhất là con chó”. Điều đó dẫn đến việc từ một bài văn tả về con vật em thích thành một bài văn tả về món ăn mà em thích luận đề ở đây đã bị đánh tráo kiến người đọc cũng như người viết nhìn có vẻ là đúng nhưng kết luận lại hoàn toàn sai.

1.2. Các lỗi ở luận cứ:

Luận đề chỉ được chứng minh khi lấy tính chân thực của luận cứ làm cơ sở. Nếu tính chân thực của luận cứ lại được rút ra từ luận đề thì việc chứng minh sẽ không được khách quan cũng như việc kết luận sẽ chẳng thu lại được gì cả và mắc phải lỗi “chứng minh vòng quanh”. Vì khi mình đi chứng minh thì mình phải đi lấy những luận cứ mới có tính chân thực hoặc giả dối để chứng minh cho luận đề tránh trường hợp lặp lại hoặc rút ra từ luận đề thì khi đó việc tư duy, suy luận sẽ không phát triển mà chỉ dừng lại chính nơi mà ta xuất phát.

Ví dụ: “ Có một người nói nước muối sinh lý là nước biển. Vì nước muối sinh lý có vị mặn, nước biển cũng có vị mặn. Cho nên hai nước này giống nhau”.

Ở đây đã mắc phải lỗi “ chứng minh vòng quanh” người này thay vì đi chứng minh các luận cứ tại sao nước muối sinh lý có vị mặn lại viện dẫn giống nước biển làm cho luận đề ở đây xuất hiện lỗi, do luận cứ không độc lập, tính chân thực của nước muối sinh lý bị mất đi. Một thứ là do con người sản xuất ra, còn một thứ là do tạo hóa, thiên nhiên đem lại lại có thể nói hai thứ giống nhau.

1.3. Các lỗi ở luận chứng:

Khi vi phạm lỗi này, mối liên hệ logic cần thiết giữa luận đề và luận cứ không có mà đã rút ra tính chân thực làm cho suy luận không được đúng một cách tuyệt đối. Việc khám phá, tìm tòi chỉ dừng lại ở mức độ biết và tương đương chưa đủ để thuyết phục người đọc và người nghe, nhất là trong các mối liên hệ phức tạp đòi hỏi chứng minh phải chặt chẽ, đầy đủ và thuyết phục

Ví dụ: Xoay quanh vụ án của Hồ Duy Hải việc thu thập chứng cứ, đã xảy ra nhiều hệ lụy. Cụ thể là hung khí đã bị thay đổi, nhiều dấu vết hiện trường không còn nguyên vẹn dẫn đến việc không đủ chứng cứ khiến cho không thể kết án cho người có tội.

Ở đây có thể thấy từ sai lầm của việc thu thập chứng cứ, dẫn đến việc tòa án khi xét xử đã không xét xử một cách công minh, ở chỗ không đủ bằng chứng nhưng vẫn kết án. Khiến cho hệ lụy việc Pháp luật Việt Nam đã làm ngơ việc lấy bằng chứng, tạo bằng chứng giả để quy kết một tội trạng của một người. Do đó làm cho người dân mất niềm tin vào Pháp luật cũng như chưa từng xảy ra trong án lệ Việt Nam cũng như quốc tế.

2. Liên hệ bản thân:

Hiện nay Việt Nam được coi là một nước chống dịch COVID-19 tốt nhất trên thế giới khi không có một ca nhiễm nào tử vong:

Nhắc tới Việt Nam không thể không nhắc tới truyền thống đoàn kết, tinh thần kiên cường bất khuất đồng thời không thể không nhắc tới sự lãnh đạo vô cùng tốt và tuyệt đối của Đảng và Nhà nước. Cho nên khi dịch mới xuất hiện ở Trung Quốc, Đảng và Nhà nước đã có những biện pháp ngăn chặn kịp thời là thông báo đến người dân, đeo khẩu trang khi ra đường, không nên tập trung ở nơi đông người và thường xuyên rửa tay và vệ sinh cá nhân để đảm bảo sức khỏe cho mình và cộng đồng. Khi dịch bùng phát và lan rộng Nhà nước ta đã cho đóng cửa biên giới, hạn chế và đóng cửa các chuyến bay quốc tế, việc đi lại của người dân, các phương tiện cá nhân, công cộng bị hạn chế và cấm không được phép sử dụng. Các thông tư, nghị định của Chính phủ được ban hành yêu cầu người dân phải tuân thủ 100% đeo khẩu trang, không được tụ tập quá hai người và khoảng cách tối thiểu giữa hai người là hai mét. Các hàng quán, địa điểm du lịch, khu vui chơi phải đóng cửa. Học sinh, sinh viên được cho nghỉ học. Đồng thời ngoài việc tuyên truyền và nhắc nhở người dân Nhà nước

còn sử dụng các chế tài xử phạt đối với người người không tuân thủ pháp luật, người nghi nhiễm hoặc tiếp xúc với các bệnh nhân nhiễm bệnh sẽ được cách ly với bên ngoài. Là một người dân, đặc biệt là một sinh viên em càng hiểu rõ được vai trò cũng như trách nhiệm của mình cũng như vai trò của Nhà nước đã đem lại cho mỗi người dân chúng ta. Như việc đối với người dân không ra ngoài khi không cần thiết, đeo khẩu trang khi ra đường, không tích trữ lương thực, thực phẩm dư thừa lãng phí, làm theo đường lối của Đảng và Nhà nước đề ra. Đối với Nhà nước không để người dân thiếu lương thực, nước uống, có những ưu đãi, đãi ngộ với cách hoàn cảnh gia đình, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp gặp khó khăn khi dịch bệnh đến.... Bên cạnh đó Việt Nam còn có đội ngũ các y, bác sĩ vô cùng nhiệt huyết, có người dân đồng lòng chống dịch điều đó đã giúp cho Việt Nam vượt ra thời điểm khó khăn nhất cũng làm cho thế giới khâm phục về con người cũng như sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Nhà nước đem lại.

KẾT LUẬN

Bài tiểu luận trên đã nói lên được tầm quan trọng cũng như vai trò của việc chứng minh rất có lợi ích không chỉ cho cá nhân và còn cho đất nước. Chính vì vậy muốn tư duy logic, muốn thành công thì cần chỉ ra được vấn đề, đặt ra được nhiệm vụ cho bản thân cũng như các lập luận chính xác và thực tế để từ đó có một tầm nhìn trướng lược tốt, cũng như có kết hoạch cho bản thân dễ dàng hơn.

Việc chứng minh đã góp phần tạo một kết cấu chặt chẽ. Để từ đó điều chỉnh tư duy, nhận thức, tìm ra con đường đúng đắn đi tới chân lý, sự thật đồng thời phát hiện ra những sai lầm trong tư duy suy luận đó. Với mỗi người, nhất là đối với sinh viên Luật như em việc nắm chắc và hiểu rõ việc chứng minh, các quy tắc vi phạm lỗi logic sẽ có vai trò cũng như lợi ích rất lớn trong cuộc sống thực tiễn. Khi hiểu và biết sẽ giúp ta xây dựng được một thói quen tư duy chính xác, sẽ có năng lực phân tích một các logic những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Đồng thời cho ta thấy môn Logic học là một môn học rất bổ ích và cần thiết không chỉ cho những người học chuyên ngành mà nó còn rất bổ ích cho mọi đối tượng, mọi người vì khi học Logic sẽ giúp ta lập luận một cách khoa học tránh được các lỗi logic. Khi giao tiếp hay đọc một văn bản nào đó sẽ giúp ta hiểu rõ được nguyên nhân, cũng như truyền đạt cho mọi người sẽ theo một chỉnh thể nhất định, thuyết phục người nghe dễ hơn khi có nền tảng tri thức bên cạnh.

Qua đây là bài tiểu luận của em do hạn chế về mặt thời gian, tài liệu và tri thức cho nên còn nhiều thiếu sót, mong thầy cô và các bạn thông cảm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

- Tài liệu giáo trình Logic Học của đại học quốc gia Hà Nội
- Vài vấn đề trong vấn đề vận dụng logic học để chứng minh một luận đề khoa học xã hội. Theo báo DAIVIET
- Nhìn lại vụ án oan của ông Nguyễn Thanh Chấn. Theo cơ quan điều tra Viện kiểm soát Nhân dân tối cao
- Logic học – Chứng minh
“<https://voer.edu.vn/c/chungminh/8b7a7f05/1e72ba96>”

Tài liệu nước ngoài

- Wikipedia.org (một số câu nói của các nhà triết học nổi tiếng)